TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HS-ST
Ngày 25 – 01 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn An và ông Phùng Đình Chúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Tuấn, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Hậu, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2019, tại Nhà văn hóa thôn Q, thị trấn G, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 80/2018/HSST ngày 25 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 01 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Đặng Đình I (tên gọi khác: Không), sinh năm 1983, tại thị trấn G, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn Q, thị trấn G, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề ngH1: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn T, sinh năm 1957 và con bà Trần Thị L, sinh năm 1959; có vợ là Bạch Thị H, sinh năm1990 (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/10/2018 cho đến nay (có mặt).

2. Họ và tên: Bùi Ngọc A (tên gọi khác: Không), sinh năm 1988, tại xã N, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề ngH1: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Ngọc U và con bà Nguyễn Thị B (đều sinh năm 1945); có vợ là Nguyễn Thị M, sinh năm 1987 và có 01 con sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không; về nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 63/2007/HSST ngày 27/4/2007 của Tòa án nhân dân quận O, thành phố Hà Nội đã xử phạt Bùi Ngọc A 10 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"

cho hưởng án treo, thử thách 20 tháng kể từ ngày tuyên án. Bị cáo đã chấp hành xong bản án, đến nay đã được xóa án tích; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/10/2018 cho đến nay (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan : Anh Trần Văn P, sinh năm 1981 ; trú tại: Thôn S, xã R, huyện E, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 11/10/2018, Đinh Thị Y (tên gọi khác là Trần Ngọc K) và Phùng Văn X hẹn Trần Văn N1, Viên Văn P1, Phùng Văn C và Nguyễn Xuân N2 đến quán Karaoke 36 thuộc thôn S, xã R, huyện E, tỉnh Vĩnh Phúc do Trần Văn P ở thôn S, xã R, huyện E, tỉnh Vĩnh Phúc làm chủ để hát. Tại đây, do có nhu cầu sử dụng ma túy, Y và X bàn với nhau góp tiền mua ma túy đá đem vào phòng hát để sử dụng. Do vậy X nói với Bùi Ngọc A là quản lý quán karaoke về việc cho nhóm của X vào phòng hát và sử dụng ma túy đá được A đồng ý. Sau đó, X và Y hỏi A có biết ai bán ma túy đá không mua hộ X, Y 1.000.000đ tiền ma túy đá được A đồng ý. Sau đó A gọi điện thoại cho Đặng Đình I bảo I là mua hộ khách 1.000.000đ ma túy đá, I đồng ý. Được một lúc sau, khi A đi xuống phòng hát thì X nói: "Anh làm hộ em bộ dụng cụ dùng ma túy đá, em có coóng đây rồi". A đồng ý nên X đưa cho A 01 coóng thủy tinh. A cầm coóng thủy tinh đi ra ngoài chế 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá, nhưng do không có ống hút nên A gọi điện thoại cho I và bảo I: "Lúc lên anh mua hộ mấy cái ống hút", I đồng ý. Sau khi chế được bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá nhưng chưa có ống hút, A cầm xuống phòng hát đưa cho X rồi đi lên quầy lễ tân.

Sau khi nhận được điện thoại của A, lúc này I đang ở chợ V1 thuộc thị trấn G, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, I đã mua ma túy của một người đàn ông tên là H1 ở xã Kim Long, huyện D với giá 900.000đ, sau đó I đem ma túy đến quán Karaoke 36. Khi I vào trong quán thì A đi xuống phòng hát gọi X. Thấy A gọi X thì Y hiểu ý là đã có người mang ma túy đến bán nên Y liền đứng dậy đi theo X và A. Sau khi đi ra khỏi phòng hát X đưa cho Y số tiền 600.000đ và nói: "Anh có từng này em góp thêm vào". Y đồng ý cầm tiền của X và ghi các số seri của các tờ tiền mục đích để đánh lô. Khi X và Y lên đến quầy lễ tân, Y đưa cho I số tiền 1.000.000đ, I cầm tiền cất vào túi quần và đưa cho Y 01 bao thuốc lá bên trong có 02 gói ma túy đá, một số ống hút bằng nhựa dùng để sử dụng ma túy đá. Sau khi mua được ma túy X và Y đi xuống phòng hát, trên đường đi Y mở bao thuốc lá lấy 02 gói ma túy ra, Y đưa cho X 01 gói còn Y cầm 01 gói. X vào phòng hát, bỏ hết 01 gói ma túy đá vào coóng thủy tinh và sử dụng. Sau khi X sử dụng hết gói ma túy đá, Y bỏ một phần của gói ma túy đá còn lại vào coóng, Y sử dụng được

khoảng 2 lần thì tiếp tục nhảy. Thấy X, Y sử dụng ma túy những người còn lại trong phòng hát là Trần Văn N1, Viên Văn P1, Phùng Văn C và hai nhân viên của quán là M1 (tên gọi khác là Đặng Thị Thu T1) và Thào Thị S1 cũng sử dụng ma túy, riêng Nguyễn Xuân N2, Hoàng Thị L1 (L1 là nhân viên phục vụ quán hát) không sử dụng ma túy. Đến khoảng 00 giờ 10 phút ngày 12/10/2018 Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy - Công an tỉnh Vĩnh Phúc phối hợp với Công an huyện E đã kiểm tra, tiến hành lập biên bản sự việc các đối tượng trên đang hát bật nhạc âm lượng lớn và sử dụng ma túy đá.

Vật chứng thu giữ bao gồm:

- Thu giữ trên mặt bàn trong cùng ở dãy bàn bên phải theo hướng từ ngoài cửa vào 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá tự chế bằng vỏ chai nước ngọt Sting, ở bên trên có gắn 01 ống hút bằng nhựa và 01 ống coóng thủy tinh.

- Thu giữ trên mặt bàn trong cùng ở dãy bàn bên trái theo hướng từ cửa vào 01 gói nilon màu trắng bên trong có chứa chất tinh thể dạng đá màu trắng, nghi là ma túy đá. Vật chứng được niêm phong có ký hiệu A1.

- Thu giữ tại khe ghế ngồi bằng da ở dãy ghế bên phải theo hướng từ cửa vào 01 gói nilon màu trắng bên trong có chứa tinh thể dạng đá màu trắng, nghi là ma túy đá. Vật chứng được niêm phong có ký hiệu A2.

Kiểm tra tại phòng ngủ của nhân viên quán Karaoke 36 phát hiện Bùi Ngọc A và Chảo Lở M2 (là nhân viên của quán) đang ngủ.

Kiểm tra tại phòng ngủ nhà ở của quán Karaoke 36 phát hiện Trần Văn P đang ngủ.

Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn tiến hành thu giữ 01 đầu ghi hình camera màu trắng nhãn hiệu Dahua, có số: S/N: 2L052C7PAGAB5A6 kèm theo 01 dây nguồn, 01 dây tín hiệu, 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 19I8003081 do UBND huyện E cấp ngày 05/10/2018 của Trần Văn P, thu giữ của Bùi Ngọc A 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel, màu đen.

Căn cứ lời khai của Phùng Văn X, Đinh Thị Y, Bùi Ngọc A, Cơ quan Cơ quan cảnh sát điều tra đã triệu tập Đặng Đình I lên làm việc. Tại cơ quan điều tra Đặng Đình I đã khai nhận hành vi bán trái phép chất ma túy cho X, Y như đã nêu trên. Cơ quan điều tra đã lập biên bản thu giữ của Đặng Đình I: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu đen; số tiền 1.000.000đ; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Dream, màu sơn nâu có gắn biển kiểm soát 88H9-4266.

Về kết quả giám định:

1. Ngày 12/10/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Vĩnh Phúc ra Quyết định trưng cầu giám định số 383 gửi đến Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc để giám định chất ma túy trong mẫu vật ký hiệu A1, A2 thu giữ.

Tại bản Kết luận giám định số 1474/KLGĐ ngày 15/10/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận:

"- Tinh thể dạng đá màu trắng của mẫu ký hiệu A1 gửi đến giám định là ma túy lẫn tạp chất, loại Methamphetamine. Khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,0615gam (không phẩy không sáu một năm gam, không kể bao bì). Khối lượng Methamphetamine có trong 0,0615gam mẫu là 0,0422gam (không phảy không bốn hai hai gam)

- Tinh thể dạng đá màu trắng của mẫu ký hiệu A2 gửi đến giám định là ma túy lẫn tạp chất, loại Methamphetamine. Khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,0681gam (không phẩy không sáu tám một gam, không kể bao bì). Khối lượng Methamphetamine có trong 0,0681gam mẫu là 0,0453 gam (không phảy không bốn năm ba gam)

Methamphetamine là chất ma túy nằm trong danh mục II, STT 323, Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ."

2. Ngày 12/10/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Vĩnh Phúc ra Quyết định trưng cầu giám định số 386 gửi đến Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc để giám định kỹ thuật số đối với đầu ghi hình thu giữ được tại quán Karaoke 36.

Tại bản Kết luận giám định số 1477/KLGĐ ngày 15/10/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: Trích xuất dữ liệu ghi hình từ 08 mắt camera trong khoảng thời gian từ 23h00' ngày 11/10/2018 đến 01h00' ngày 12/10/2018 được lưu giữ trong đầu ghi hình camera gửi giám định thu được 16 tệp tin video định dạng dvd có tổng dung lượng: 9,33GB. Toàn bộ 16 tệp tin video trên được sao lưu sang 03 đĩa DVD.

3. Ngày 12/10/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Vĩnh Phúc ra các Quyết định trưng cầu giám định số: 384, 385 gửi đến Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc để giám định kỹ thuật số và điện tử đối với 02 chiếc điện thoại di động thu giữ được của Đặng Đình I, Bùi Ngọc A. Ngày 15/10/2018, Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc có Kết luận giám định số 1475, 1476 kết luận trong khoảng thời gian từ 22h28' ngày 11/10/2018 đến 23h19' ngày 11/10/2018, giữa số thuê bao 0987733433 do A sử dụng và số thuê bao 0963873233 do I sử dụng có phát sinh các cuộc gọi với nhau.

Kết quả điều tra đã xác định: Đối với Phùng Văn X là người rủ Y, Phong, Trần Văn N1, Công, Nguyễn Xuân N2 đi hát, là người thuê phòng hát số 2, gọi

nhân viên nữ phục vụ. Tuy nhiên, X không có tiền án, tiền sự liên quan đến ma túy, mục đích rủ các đối tượng đến quán karaoke 36 là để hát chứ không để sử dụng ma túy; tại quán karaoke do quen biết từ trước nên X và Y góp tiền mua ma túy để hai người sử dụng; sau khi mua được ma túy, X và Y đem ma túy vào phòng hát để sử dụng. Quá trình sử dụng X, Y cũng không ép buộc, rủ rê lôi kéo ai sử dụng ma túy mà tự mọi người sử dụng ma túy nên không đủ căn cứ xử lý X và Y về hành vi lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy. Quá trình điều tra, X và Y khai nhận là có sử dụng chất ma túy và kết quả xét nghiệm nước tiểu dương tính với chất ma túy Methamphetamine; do vậy Cơ quan Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã xử lý hành chính đối với X và Y về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Đối với Trần Văn N1, Viên Văn P1, Phùng Văn C đều chưa có tiền án, tiền sự gì liên quan đến ma túy, được X mời đến quán Karaoke 36 để hát, uống bia, khi thấy X và Y sử dụng ma túy, bản thân Nam, Phong, Công đều nghiện ma túy đá nên đã tự ý sử dụng, không ai ép buộc, rủ rê; kết quả xét nghiệm nước tiểu của Nam, Phong, Công đều dương tính với chất ma túy Methamphetamine, do vậy việc Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã xử lý hành chính đối với Trần Văn N1, Viên Văn P1, Phùng Văn C về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Đối với Thào Thị S1 và M1 là nhân viên của quán hát Karaoke 36 được A sắp xếp vào phòng 2 ở tầng hầm phục vụ nhóm khách của X. Sau đó thấy mọi người sử dụng ma túy đá, S1 và M1 muốn thử cảm giác nên đã tự ý sử dụng ma túy, không bị ai ép buộc, rủ rê, lôi kéo. Kết quả xét nghiệm nước tiểu của S1, M1 dương tính với chất ma túy Methamphetamine, do vậy việc Cơ quan Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã xử lý hành chính đối với Thào Thị S1 và M1 về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Đối với Nguyễn Xuân N2 được Y rủ đi hát thì N2 đồng ý, tại phòng hát số 2 của quán karaoke 36, N2 chỉ bật nhạc, uống bia cùng mọi người và không tham gia sử dụng trái phép chất ma túy, kết quả xét nghiệm nước tiểu của N2 âm tính với chất ma túy, vì vậy việc Cơ quan điều tra không xử lý gì với N2.

Đối với Hoàng Thị L1 là nhân viên quán hát, chỉ phục vụ khách hát tại phòng hát số 2, không tham gia sử dụng trái phép chất ma túy, vì vậy việc Cơ quan điều tra không xử lý gì với L1.

Đối với Trần Văn P là chủ quán karaoke 36, khi các đối tượng đến thuê phòng hát Điệp có mặt tại quán, tuy nhiên mọi công việc kinh doanh Điệp đều giao cho Bùi Ngọc A quản lý, điều hành chịu mọi trách nhiệm. Trần Văn P không biết nhóm của X đến thuê phòng hát để sử dụng ma túy và cũng không tham gia cùng các đối tượng này, do vậy không có căn cứ xử lý hình sự đối với

Điệp. Do Điệp là chủ cơ sở đã thiếu trách nhiệm, để các đối tượng sử dụng ma túy trong phòng hát, để các đối tượng hát quá giờ quy định và quá số nhân viên phục vụ trong một phòng hát cần phải xử lý hành chính nên Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã ra quyết định xử phạt hành chính đối với Điệp.

Về nguồn gốc ma túy Đặng Đình I khai mua của người đàn ông tên là H1 ở khu vực xã Kim Long, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc, nhưng I không biết tên, tuổi và địa chỉ cụ thể. Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh người có tên H1 nhưng không có kết quả. Do đó Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, khi nào làm rõ tên tuổi, nhân thân của H1 sẽ xử lý sau đối với H1.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Dream, màu sơn nâu có gắn biển kiểm soát 88H9-4266 thu giữ của Đặng Đình I, quá trình điều tra xác định ngày 11/10/2018, Đặng Đình I đã mượn chiếc xe mô tô này của anh Đỗ Quốc Hưng, sinh năm 1983, trú tại thôn Sứ, xã Định Trung, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc để đi đón bạn, anh Hưng không biết việc I sử dụng chiếc xe này để mua bán ma túy, nguồn gốc chiếc xe này anh Hưng mua của ông Trần Văn Thanh, sinh năm 1968, trú tại: Xã N, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc. Do vậy, ngày 28/11/2018, Cơ quan Cơ quan điều tra - Công an tỉnh đã trả lại chiếc xe mô tô trên cho anh Đỗ Quốc Hưng.

Cáo trạng số: 02/CT-VKS-P1, ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố bị cáo Đặng Đình I về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015; truy tố bị cáo Bùi Ngọc A về tội "Chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy" theo điểm d khoản 2 Điều 256 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tại phiên toà, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc luận tội đối với các bị cáo Đặng Đình I và Bùi Ngọc A giữ nguyên quan điểm truy tố như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Đặng Đình I phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; bị cáo Bùi Ngọc A phạm tội "Chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy". Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Đặng Đình I mức hình phạt từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 256; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Bùi Ngọc A mức hình phạt từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù.

Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Tịch thu tiêu hủy toàn bộ mẫu vật được hoàn lại sau giám định cùng toàn bộ bao gói niêm phong của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc; tịch thu tiêu hủy 01 bộ dụng cụ sử dụng chất ma túy tự chế do không còn giá trị sử dụng; tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 1.000.000đ đã thu giữ của Đặng Đình I là tiền do bán ma túy mà có; tịch thu

bán phát mại sung quỹ Nhà nước 02 điện thoại di động đã thu giữ của Đặng Đình I và Bùi Ngọc A do sử dụng vào việc thực hiện tội phạm; trả lại 01 đầu ghi camera kèm theo 01 dây nguồn, 01 dây tín hiệu vì không liên quan đến việc thực hiện tội phạm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Đặng Đình I và Bùi Ngọc A đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố. Xét lời nhận tội của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng, biên bản phạm pháp quả tang, biên bản thu giữ vật chứng, các kết luận giám định của cơ quan chuyên môn… và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thu thập khách quan, đúng pháp luật. Từ đó có đủ cơ sở để xác định: Vào khoảng 22h ngày 11/10/2018, Phùng Văn X, Đinh Thị Y, Trần Văn N1, Viên Văn P1, Phùng Văn C, Nguyễn Xuân N2 đến quán hát Karaoke 36 thuộc thôn S, xã R, huyện E, tỉnh Vĩnh Phúc do Bùi Ngọc A là quản lý quán karaoke để hát. Sau đó X và Y yêu cầu đã được A đồng ý để cho X, Y sử dụng ma túy đá tại phòng hát. Sau đó X và Y đã mua của Đặng Đình I 02 gói nhỏ ma túy đá tại quán Karaoke 36 với giá 1.000.000đ. Trong thời gian chờ mua ma túy thì X, Y đã nhờ thì được A làm hộ X, Y 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy. Sau khi mua được ma túy, X, Y đã đem số ma túy trên xuống phòng hát số 2 cùng nhóm bạn bật nhạc to và sử dụng ma túy. Đến khoảng 00h10’ ngày 12/10/2018, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy - Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã kiểm tra lập biên bản sự việc các đối tượng trên đang sử dụng trái phép chất ma túy. Vật chứng Cơ quan Công an thu giữ bao gồm: 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy, 02 gói nhỏ ma túy đá (kết quả giám định là 0,0875g Methaphetamine), 1.000.000đ và một số đồ vật, tài sản khác.

Hành vi mua bán trái phép chất ma túy do bị cáo Đặng Đình I thực hiện đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại Điều 251 Bộ

luật Hình sự năm 2015. Căn cứ vào nhân thân của bị cáo, tính chất mức độ thực hiện tội phạm, trọng lượng ma túy thì hành vi của Đặng Đình I đã phạm vào khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015

Tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

" 1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm."

Hành vi của Bùi Ngọc A là biết rõ quy định của pháp luật về quản lý đối với chất ma túy, bị cáo là quản lý quán hát vì mục đích vụ lợi đã đồng ý cho nhóm của Phùng Văn X và Đinh Thị Y sử dụng trái phép chất ma túy trong phòng hát đã phạm vào tội "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại Điều 256 Bộ luật Hình sự năm 2015. Căn cứ vào nhân thân của bị cáo, tính chất mức độ thực hiện tội phạm và số lượng người tham gia sử dụng chất ma túy thì hành vi của Bùi Ngọc A đã phạm vào điểm d khoản 2 Điều 256 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại điểm d khoản 2 Điều 256 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

"1. Người nào cho thuê, cho mượn địa điểm….chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy…..thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

…

d) Đối với 02 người trở lên;"

Hành vi phạm tội của các bị cáo Đặng Đình I và Bùi Ngọc A là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến chế độ quản lý của Nhà nước đối với chất ma túy, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội. Ma túy là tệ nạn xã hội làm ảnh hưởng xấu đến sức khỏe nhân phẩm của con người, dẫn con người đến đời sống đồi trụy, phá hoại hạnh phúc gia đình, làm xói mòn truyền thống đạo đức tốt đẹp của dân tộc. Đồng thời ma túy còn là nguyên nhân, nguồn gốc gây ra nhiều loại tệ nạn, nhiều loại tội phạm nguy hiểm khác cho xã hội. Trước tình hình các tội phạm về ma túy trong cả nước hiện nay nói chung cũng như tỉnh Vĩnh Phúc nói riêng xảy ra nhiều và ngày càng diễn biến phức tạp gây nhiều hậu quả xấu. Do vậy việc đưa các bị cáo ra xét xử lưu động công khai tại khu dân cư là cần thiết nhằm mục đích tuyên truyền, giáo dục pháp luật trong nhân dân và phục vụ tốt việc giữ vững an ninh chính trị tại địa phương.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng cân nhắc xem xét đến tính chất cũng như mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội

và hậu quả xảy ra, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo thấy rằng:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Đặng Đình I và Bùi Ngọc A luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội đã thực hiện nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Đối với bị cáo Bùi Ngọc A có bố được Nhà nước tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhất; bị cáo Đặng Đình I có thời gian phục vụ trong quân đội đã hoàn thành tốt nghĩa vụ trở về địa phương để xem xét khi lượng hình.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Đặng Đình I và Bùi Ngọc A không bị áp dụng tình tiết nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Sau khi cân nhắc, xem xét các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất mức độ thực hiện tội phạm, trọng lượng ma túy cũng như nhân thân và điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần phải áp dụng hình phạt tù một mức án phù hợp mới có tác dụng giáo dục riêng và đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung. Đồng thời thông qua vụ án này cũng là bài học cho mọi người tham dự phiên tòa thấy được tác hại của ma túy để có biện pháp phòng chống hữu hiệu.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[3] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá tự chế bằng vỏ chai nước ngọt Sting, ở bên trên có gắn 01 ống hút bằng nhựa và 01 ống coóng thủy tinh là công cụ các đối tượng dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy, cần tịch thu tiêu hủy vì không còn giá trị sử dụng.

Đối với 03 mẫu giám định chất ma túy do phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc hoàn trả cần tịch thu tiêu hủy vì không còn giá trị sử dụng.

Đối với 02 chiếc điện thoại di động gồm 01 chiếc nhãn hiệu Viettel, màu đen thu giữ được của Bùi Ngọc A và 01 chiếc nhãn hiệu NOKIA, màu đen thu giữ của Đặng Đình I, kết quả điều tra xác định A và I đã sử dụng 02 chiếc điện thoại này để liên lạc mua bán trái phép chất ma túy, vì vậy cần tịch thu bán phát mại sung công quỹ nhà nước.

Đối với số tiền 1.000.000đ thu giữ của Đặng Đình I, kết quả điều tra xác định là tiền I bán ma túy mà có, vì vậy cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với 01 đầu ghi hình camera màu trắng nhãn hiệu Dahua, kèm theo 01 dây nguồn, 01 dây tín hiệu và 01 giấy nhận đăng ký hộ kinh doanh của Trần

Văn P đã thu giữ do không liên quan đến việc thực hiện tội phạm cần trả lại cho chủ sở hữu.

[4] Về việc áp dụng hình phạt bổ sung: Xét thấy việc mua bán trái phép chất ma túy do bị cáo Đặng Đình I thực hiện vì mục đích thu lợi nên việc áp dụng hình phạt tiền là cần thiết. Tuy nhiên căn cứ vào tính chất, mức độ tội phạm và điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của bị cáo Hội đồng xét xử phạt số tiền khởi điểm do điều luật quy định đối với bị cáo Đăng Đình I là phù hợp.

[5] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Đặng Đình I và Bùi Ngọc A phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Đặng Đình I phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; bị cáo Bùi Ngọc A phạm tội "Chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy".

Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Đặng Đình I 03 (ba) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt 18/10/2018.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 256; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Bùi Ngọc A 08 (tám) năm tù về tội "Chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt 29/10/2018.

Áp dụng khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015: Phạt bị cáo Đặng Đình I số tiền 5.000.000đ sung quỹ Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá tự chế bằng vỏ chai nước ngọt Sting, ở bên trên có gắn 01 ống hút bằng nhựa và 01 ống coóng thủy tinh là công cụ các đối tượng dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy vì không còn giá trị sử dụng.

Tịch thu tiêu hủy 01 mẫu giám định chất ma túy do phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc hoàn trả là vật chứng của vụ án vì không còn giá trị sử dụng.

Tịch thu bán phát mại sung quỹ nhà nước 02 chiếc điện thoại di động gồm 01 chiếc nhãn hiệu Viettel, màu đen thu giữ được của Bùi Ngọc A và 01 chiếc nhãn hiệu NOKIA, màu đen thu giữ của Đặng Đình I do các bị cáo sử dụng 02 chiếc điện thoại này để liên lạc mua bán trái phép chất ma túy.

Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 1.000.000đ thu giữ của Đặng Đình I, kết quả điều tra xác định là tiền I bán ma túy mà có.

Trả lại cho anh Trần Văn P 01 đầu ghi hình camera màu trắng nhãn hiệu Dahua, kèm theo 01 dây nguồn, 01 dây tín hiệu và 01 giấy nhận đăng ký hộ kinh doanh đã thu giữ do không liên quan đến việc thực hiện tội phạm.

(Toàn bộ vật chứng tịch thu tiêu hủy, tịch thu bán phát mại sung quỹ nhà nước và trả lại cho người liên quan có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/01/2019 giữa Công an tỉnh Vĩnh Phúc và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc.)

Án phí hình sự sơ thẩm các bị cáo Đặng Đình I và Bùi Ngọc A mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh phúc;
- Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, Toà Hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Duy Sơn